

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **869** /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 04 tháng 4 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch làm đường giao thông nông thôn và Kế hoạch kiên cố hóa kênh mương nội đồng do xã quản lý năm 2013 trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 19/5/2009 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn Hà Tĩnh giai đoạn 2009-2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 45/2012/NQ-HĐND ngày 20/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013 - 2015 trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 22/02/2013 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định mức hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước theo từng nội dung, công việc cụ thể để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 15/01/2013 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 859/QĐ- UBND ngày 03/4/2013 của UBND tỉnh ban hành Quy định cơ chế hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn và kênh mương nội đồng năm 2013 trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 1120/SNN-TL ngày 03/4/2013; Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 949/SGTVT-KH ngày 03/4/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch làm đường giao thông nông thôn và Kế hoạch kiên cố hóa kênh mương nội đồng do xã quản lý năm 2013, tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Sở Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; UBND huyện, thành phố, thị xã; UBND các xã và các cơ quan có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo mục tiêu đề ra.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Chủ tịch UBND huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã; Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
 - Bộ Giao thông vận tải;
 - Tổng cục Thủy lợi;
 - TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
 - Các phó VP. UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, NL₁, NL, GT, GT₁;
 - Gửi: VB giấy và điện tử.
- (báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn

KẾ HOẠCH

Làm đường Giao thông nông thôn năm 2013

(Kèm theo Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 04/4/2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Thực hiện Nghị Quyết số 45/2012/NQ-HĐND ngày 20/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể để thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013- 2015 trên địa bàn tỉnh theo quyết định 695/QĐ-TTg ngày 08/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ; Căn cứ Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 22/02/2013 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định mức hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước theo từng nội dung, công việc cụ thể để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 22/02/2013 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định mức hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước theo từng nội dung, công việc cụ thể để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 15/01/2013 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2013; Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 03/4/2013 của UBND tỉnh ban hành quy định cơ chế hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn và kênh mương nội đồng năm 2013 trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở khối lượng đăng ký làm đường bê tông xi măng của các huyện, thành phố, thị xã năm 2013; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch làm đường giao thông nông thôn năm 2013, với những nội dung sau:

I. Mục tiêu, phạm vi kế hoạch:

1. Mục tiêu

1.1 Mục tiêu chung: Từng bước xây dựng, phát triển và quản lý hệ thống đường giao thông nông thôn (GTNT) đảm bảo thông suốt, đồng bộ, cứng hóa, bền vững, đạt chuẩn về cấp hạng và kết nối liên hoàn với hệ thống đường huyện, đường tỉnh, đường quốc lộ nhằm phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói giảm nghèo của địa phương; phấn đấu đến năm 2020 tất cả các xã hoàn thành tiêu chí số 2 (giao thông) theo Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Hà Tĩnh.

1.2. Mục tiêu cụ thể: Năm 2013 xây dựng 977 km đường trục thôn xóm, ngõ xóm và trục chính nội đồng, trong đó:

- Đường trục thôn, xóm: 370Km;
- Đường ngõ, xóm: 359 km;
- Đường trục chính nội đồng: 248 km.

(Có phụ lục chi tiết các huyện, thành phố, thị xã kèm theo)

2. Phạm vi áp dụng: Trong kế hoạch này chỉ đề xuất các nội dung xây dựng đường GTNT nêu trong Quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã đã được phê duyệt, bao gồm: (1) Đường trục thôn xóm, (2) đường ngõ xóm, (3) đường trục chính nội đồng trên địa bàn tỉnh cho năm 2013 theo nội dung “nhân dân xây dựng công trình, nhà nước hỗ trợ”.

II. Quy mô kỹ thuật và giải pháp thực hiện:

1. Quy mô kỹ thuật: Phải phù hợp với quy mô, tiêu chuẩn của Quy hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã, Quy hoạch phát triển giao thông vận tải của các huyện, thành phố, thị xã đã được phê duyệt và phải đảm bảo quy mô, tiêu chuẩn quy định tại Quyết định số 315/QĐ-BGTVT ngày 23/02/2011 của Bộ Giao thông vận tải, quy mô tối thiểu như sau:

a. Đường huyện, đường trục xã, liên xã: $B_{nền}=6,5m$, $B_{mặt}=3,5m$, mặt đường bằng BTXM dày 18cm đá 2x4 (1x2) mác 250#, trên móng đá 4x6 chèn đá dăm dày 15cm.

b. Đường trục thôn, xóm: $B_{nền}=5,0m$, $B_{mặt}=3,5m$, mặt đường BTXM dày 16cm đá 2x4 (1x2) mác 250#, trên móng đá 4x6 chèn đá dăm dày 12cm.

c. Đường ngõ, xóm: $B_{nền}=4,0m$, $B_{mặt}=3,0m$, mặt BTXM dày 14cm đá 2x4 (1x2) mác 200#, trên móng đá 4x6 chèn đá dăm dày 10cm.

d. Đường trục chính nội đồng: $B_{nền}=4,0m$, $B_{mặt}=3,0m$, mặt đường BTXM dày 14cm đá 2x4 (1x2) mác 200#, trên móng đá 4x6 chèn đá dăm dày 10cm.

e. Phần kết cấu móng ghi ở các mục trên là ở mức độ tối thiểu, khi triển khai thực tế cần đối chiếu với tình trạng nền đường để bổ sung thêm phần móng hoặc có thể thay thế các vật liệu địa phương sẵn có đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật như cuội sỏi, móng cát, móng gia cố vôi, gia cố xi măng.. với chiều dày tính toán đạt yêu cầu.

2. Cơ chế chính sách:

2.1 Về nguồn vốn và mức hỗ trợ:

a. Ngân sách các cấp hỗ trợ xi măng cho các loại đường trục thôn, xóm, đường ngõ xóm, đường trục chính nội đồng với mức hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 03/4/2013 của UBND tỉnh.

b. Ngân sách huyện, xã hỗ trợ để mua phân xi măng còn thiếu, các loại vật liệu chủ yếu khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08/6/2012 từ Chương trình nông thôn mới được UBND tỉnh phân bổ tại Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 15/01/2013 đảm bảo theo đúng Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 22/02/2013.

c. Phần kinh phí còn lại huy động từ nguồn đóng góp của nhân dân, ngày công lao động, hiến đất, tài sản trên đất, thiết bị máy móc thi công, vật liệu và các nguồn hợp pháp khác.

d. Đối với các loại đường đã được cứng hóa nhưng chưa đủ bề rộng mặt đường theo tiêu chuẩn quy định thì khi nâng cấp, mở rộng được hỗ trợ đầu tư với khối lượng được quy đổi theo diện tích phân bổ sung hoặc cải tạo lại.

e. Đối với các tuyến đường đi qua các địa bàn khó khăn theo quy định

được tính chằm chước về bề rộng nền, mặt thì lượng xi măng hỗ trợ theo tỷ lệ quy định trên phần diện tích mặt đường quy đổi.

f. Khuyến khích các địa phương có điều kiện đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch có quy mô lớn hơn, riêng phần quy mô lớn hơn không thuộc chính sách hỗ trợ của tỉnh.

2.2. Điều kiện được hỗ trợ ngân sách các cấp phải đảm bảo.

- UBND huyện, thành phố, thị xã phải có cam kết bố trí đủ phần hỗ trợ từ ngân sách huyện, ngân sách xã và huy động đủ các nguồn lực hợp pháp khác (bằng tiền, vật tư, vật liệu, ngày công lao động ...) để thực hiện, đảm bảo phù hợp với số lượng địa phương đăng ký tương ứng mà ngân sách tỉnh hỗ trợ, đúng quy định.

- Xi măng tỉnh hỗ trợ chỉ thực hiện khi ngân sách huyện, xã đảm bảo và xã tổ chức các điều kiện (vật tư cát, đá... nhân lực để tổ chức thi công); tuyệt đối không được cung ứng xi măng xuống xã khi chưa đủ điều kiện thi công để tránh tình trạng xi măng tồn dư, hư hỏng, thất thoát.

- Lập hồ sơ, xây dựng công trình đảm bảo quy mô và giải pháp kỹ thuật quy định, nhưng phải nằm trong quy hoạch nông thôn mới đã được phê duyệt.

- Phải có tổ chức giám sát cộng đồng.

2.3. Kinh phí hỗ trợ bằng xi măng của các cấp năm 2013: Khối lượng xi măng cần thiết là 139.305 tấn, tương đương 162 tỷ đồng. Trong đó tỉnh hỗ trợ 60.529 tấn (70 tỷ đồng), huyện hỗ trợ cho đường nội đồng 8.672 tấn (10 tỷ đồng), xã hỗ trợ cho đường nội đồng 2.813 tấn (3 tỷ đồng). Tổng giá trị xây lắp trực tiếp năm 2013 trên 800 tỷ đồng. *(có phụ lục chi tiết kèm theo)*

3. Giải pháp huy động vốn:

a. Nguồn hỗ trợ của các cấp:

- Ngân sách tỉnh: Được trích từ nguồn vốn vay của Chính phủ năm 2013 cho chương trình đầu tư để hỗ trợ cho năm 2013;

- Nguồn ngân sách huyện, xã: Các cấp căn cứ vào nguồn lực hỗ trợ của địa phương và khả năng đóng góp của nhân dân để cân đối kế hoạch xây dựng đã đăng ký.

b. Nguồn vốn đóng góp của nhân dân: Tùy theo điều kiện cụ thể của từng địa phương, có các hình thức huy động phù hợp như: Đóng góp bằng ngày công lao động; đóng góp bằng tiền, vật tư; vận động nhân dân hiến đất và không bồi thường về cây cối, hoa màu. Việc đóng góp phải đảm bảo nguyên tắc công bằng, công khai, có miễn giảm cho các hộ nghèo, hộ gia đình chính sách khó khăn.

c. Huy động từ cộng đồng, đóng góp tự nguyện và tài trợ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cũng như các nguồn tài chính hợp pháp khác.

d. Khi huyện, xã đã huy động đủ nguồn lực (bao gồm cả phần đóng góp của người dân) để thực hiện khi đó tỉnh mới cấp hỗ trợ xi măng.

4. Quy trình thực hiện đầu tư :

a. Cấp quyết định đầu tư: UBND xã là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt

Báo cáo kỹ thuật - dự toán công trình. Báo cáo kỹ thuật - dự toán được lập theo hướng đơn giản hoá, theo mẫu thống nhất do Sở Xây dựng hướng dẫn.

b. Chủ đầu tư và Ban QLDA:

- Chủ đầu tư là UBND xã.

- Ban quản lý xây dựng nông thôn mới hoặc Ban quản lý công trình (sau đây gọi tắt là Ban quản lý xã) do UBND xã quyết định thành lập. Ban quản lý phải có sự tham gia của đại diện một số ban, ngành, đoàn thể xã; trưởng thôn, xóm, đại diện tiêu biểu của nhân dân trong thôn, xóm. Phó Chủ tịch UBND xã làm Trưởng Ban.

- Nơi nào cộng đồng dân cư có đủ năng lực và điều kiện thì UBND cấp xã thành lập Ban phát triển thôn, xóm, (sau đây gọi tắt là Ban phát triển thôn) để làm Ban QLDA. Ban phát triển thôn có sự tham gia của đại diện đoàn thể chính trị ở thôn; trưởng thôn và đại diện tiêu biểu của nhân dân trong thôn, xóm, Trưởng Ban là người có uy tín, trách nhiệm và năng lực tổ chức triển khai do cộng đồng thôn, xóm trực tiếp bầu và Chủ tịch UBND xã quyết định công nhận.

c. Chuẩn bị đầu tư:

- UBND xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách đầu tư của tỉnh, tổ chức họp dân; công bố mức hỗ trợ của Nhà nước và mức đóng góp của nhân dân trong khu vực. Nếu đạt được thoả thuận (có biên bản cam kết), UBND cấp xã tổng hợp, lập kế hoạch trình UBND cấp huyện để được xem xét, cân đối, bố trí vốn kế hoạch theo thứ tự ưu tiên.

- Căn cứ kế hoạch vốn được giao, UBND xã tổ chức lập Báo cáo kỹ thuật - dự toán trên cơ sở thiết kế mẫu, trình phòng chuyên môn của UBND huyện thẩm định, UBND xã phê duyệt Báo cáo kỹ thuật - dự toán

d. Thực hiện đầu tư xây dựng:

- Thi công công trình: Giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp từ công trình tự tổ chức thực hiện. Trường hợp cộng đồng dân cư không có khả năng hoặc điều kiện thực hiện thì xem xét lựa chọn nhóm thợ hoặc cá nhân trong xã, thôn, xóm có đủ năng lực để thực hiện nhưng phải được sự thống nhất của cộng đồng dân cư.

- Thực hiện giám sát cộng đồng trong quá trình đầu tư xây dựng: UBND xã thành lập Ban Giám sát cộng đồng do Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã làm Trưởng ban và với sự tham gia của đại diện HĐND, các tổ chức đoàn thể, đại diện cộng đồng dân cư hưởng lợi. Ban giám sát cộng đồng thực hiện công việc theo quy định tại Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng và Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTUMTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của liên bộ hướng dẫn thực hiện Quyết định này. Trường hợp Ban Phát triển thôn làm chủ đầu tư, Ban giám sát cộng đồng gồm: Trưởng thôn, xóm, đại diện Mặt trận, các đoàn thể, đại diện cộng đồng dân cư.

- Nghiệm thu, bàn giao công trình: Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình hoàn thành, thành phần nghiệm thu gồm: Ban quản lý xã (hoặc Ban phát

triển thôn) và Ban Giám sát cộng đồng.

- Thanh toán, quyết toán công trình hoàn thành: Chủ đầu tư lập hồ sơ thanh toán, quyết toán căn cứ vào Báo cáo kỹ thuật - dự toán được duyệt, biên bản nghiệm thu theo mẫu do Sở Giao thông vận tải hướng dẫn, hoá đơn mua vật liệu, hợp đồng xây dựng (đối với trường hợp thuê các nhóm thợ, cá nhân, thuê máy móc thiết bị). Để đảm bảo tính minh bạch và dân chủ khi quyết toán cần phải có biên bản họp báo cáo công khai kinh phí thực hiện công trình cho nhân dân nghe và xác nhận (trước khi họp nhân dân thì chủ đầu tư phải báo cáo chi phí thu, chi gửi trước cho nhân dân, tổ chức xã hội xem trước tối thiểu 3 ngày để kiểm tra, giám sát và có ý kiến).

đ. Thanh toán:

- UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Tài chính ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung ứng xi măng, thanh toán.

- UBND các huyện, thành phố, thị xã liên hệ với nhà cung ứng để cung cấp xi măng cho các xã theo kế hoạch xây dựng (để thuận tiện cần đề nghị cung cấp qua đại lý hoặc có đại diện của nhà cung ứng xi măng trên địa bàn tỉnh);

- Thanh toán tỷ lệ hỗ trợ với đúng các loại đường đã có trong quy hoạch nông thôn mới; UBND xã (Chủ đầu tư) là đơn vị chịu trách nhiệm quyết toán công trình.

- UBND xã (Chủ đầu tư) là đơn vị chịu trách nhiệm quyết toán công trình.

5. Sử dụng vật liệu địa phương và đầu tư thiết bị: Yêu cầu sử dụng tối đa các loại vật liệu địa phương như cuội sỏi, cát, đá thải, gạch vỡ... đưa vào xây dựng các loại móng đường với kết cấu phù hợp nhằm đảm bảo tính bền vững và giảm giá thành công trình. Để chủ động trong việc thi công mặt đường bê tông xi măng nhằm giảm giá thành xây dựng, mỗi xã nên đầu tư thiết bị với yêu cầu 02 máy trộn bê tông loại 150L ÷ 250L, 02 máy đầm bàn.

III. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Giao thông vận tải:

Là cơ quan Thường trực và thành lập Ban Chỉ đạo (Tổ công tác) có trách nhiệm chủ động phối hợp với UBND huyện và các ngành liên quan tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả.

- Hướng dẫn cho các địa phương về lựa chọn quy mô kỹ thuật, các tiêu chuẩn thiết kế, quy trình quản lý chất lượng kỹ thuật, quản lý bảo trì đối với hệ thống đường GTNT;

- Kiểm tra, đôn đốc và tổng hợp kết quả thực hiện theo định kỳ và cuối năm báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính:

- Ký hợp đồng nguyên tắc với các đơn vị cung ứng xi măng (theo Quyết định của UBND tỉnh) với các nội dung: Giá cả, phương thức thanh toán, cách thức giao nhận, kế hoạch cung ứng và các nội dung khác liên quan; trực tiếp thanh toán, quyết toán với nhà cung ứng; ban hành mẫu hợp đồng để các địa phương ký kết hợp đồng mua xi măng với đơn vị cung ứng.

- Chủ trì phối hợp với Kho bạc Nhà nước hướng dẫn địa phương (các đơn vị sử dụng xi măng) về phương thức và thủ tục thanh toán theo hướng cung cấp có kiểm soát khối lượng xi măng đảm bảo thuận tiện, kịp thời và đầy đủ;

- Hướng dẫn thủ tục thanh toán, quyết toán đối với công trình thực hiện theo phương thức “Nhân dân làm công trình - Nhà nước hỗ trợ”.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Sắp xếp, cân đối, lồng ghép các nguồn vốn dự án đầu tư phải ưu tiên cho hệ thống đường huyện, đường liên xã, đường xã, hạn chế tối đa đầu tư dự án trên các trục thôn, ngõ xóm, nội đồng.

4. Sở Xây dựng: Hướng dẫn các địa phương về sử dụng vật liệu đưa vào xây dựng (kể cả vật liệu địa phương: cát, đá, sỏi, gạch...) để giảm kinh phí đầu tư nhưng vẫn đảm bảo chất lượng công trình, công tác nghiệm thu chất lượng vật liệu xây dựng; Mẫu hợp đồng trong hoạt động xây dựng với phương thức “Nhân dân làm công trình - Nhà nước hỗ trợ” (kể cả mẫu hợp đồng thuê các nhóm thợ, cá nhân, thuê máy móc, thiết bị); Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải để ban hành các mẫu về lập Báo cáo kỹ thuật - dự toán, tờ trình thẩm định, kết quả thẩm định, quyết định phê duyệt, hồ sơ nghiệm thu đối với công trình theo hướng đơn giản hoá.

5. UBND cấp huyện:

- Thành lập Ban chỉ đạo do Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban, là đầu mối lập kế hoạch về nhu cầu, số lượng, thời gian cung ứng xi măng cho các xã theo kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt; chủ động bố trí đủ nguồn vốn hỗ trợ các địa phương. Thành lập Tổ công tác, phân công cán bộ phụ trách theo dõi từng xã để nắm bắt thông tin, chỉ đạo kịp thời đặc biệt là công tác chất lượng và sự minh bạch, dân chủ trong việc đóng góp của nhân dân; giúp UBND cấp xã khâu nối, điều phối đưa xi măng về cơ sở theo yêu cầu, kịp tiến độ xây dựng, giảm thiểu kinh phí giao dịch của cơ sở.

- Huy động, thu hút, kêu gọi đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn theo đúng quy hoạch nông thôn mới;

- Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn hướng dẫn các xã lập hồ sơ Báo cáo kỹ thuật- dự toán trên cơ sở hồ sơ “Thiết kế mẫu định hình” đã được UBND tỉnh ban hành; kiểm tra, thẩm định hồ sơ Báo cáo kỹ thuật-dự toán, hướng dẫn tổ chức thực hiện và giám sát chất lượng cũng như có tham mưu về việc sử dụng vật liệu địa phương phù hợp;

- Cân đối nguồn vốn hỗ trợ của các cấp huyện xã và nguồn huy động đóng góp thực hiện đúng, đủ kế hoạch đã đăng ký với UBND tỉnh,

- Kiểm tra, đôn đốc các xã tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng công trình; định kỳ, đột xuất tổng hợp báo cáo theo yêu cầu của sở chuyên ngành, tổ chức sơ kết, tổng kết để rút kinh nghiệm

6. Ủy ban nhân dân xã:

- Thành lập Ban Chỉ đạo xã để tổ chức thực hiện; trực tiếp ký hợp đồng cung ứng xi măng cho dân theo quyết định của UBND tỉnh, hướng dẫn của Sở Tài chính và trực tiếp nhận xi măng tại địa bàn xã bảo đảm chất lượng và thời

gian quy định; phân phối xi măng cho các xóm để thực hiện kế hoạch kiên cố hóa kênh mương do xã quản lý đã được UBND tỉnh phê duyệt;

- Chỉ đạo Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới tổ chức họp dân thông báo kế hoạch kiên cố hóa kênh mương đã được UBND tỉnh phê duyệt, công bố mức hỗ trợ của nhà nước, mức đóng góp của nhân dân để nhân dân biết, bàn bạc thống nhất tổ chức thực hiện một cách dân chủ; đồng thời chịu trách nhiệm giải phóng mặt bằng sạch (không bồi thường, hỗ trợ), tạo thuận lợi cho việc triển khai thực hiện một cách tốt nhất;

- Lập, phê duyệt hồ sơ thiết kế - dự toán kinh phí các công trình lựa chọn trên cơ sở hồ sơ "Thiết kế định hình" đã được ban hành, phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới được duyệt;

- Thành lập Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cấp xã theo quy định tại Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KHĐT-UBMTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của liên bộ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng theo Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

- Sử dụng nguồn vốn, vật tư được hỗ trợ; nguồn vốn, vật tư huy động của dân và các nguồn vốn hợp pháp khác đảm bảo hiệu quả, đúng mục đích; công khai kế hoạch, dự toán kinh phí, vật tư được hỗ trợ để nhân dân và Ban giám sát đầu tư của cộng đồng biết thực hiện và giám sát.

7. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Hà Tĩnh: Tổ chức tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về kế hoạch này, phản ánh kịp thời kết quả thực hiện của các địa phương, kịp thời nêu gương các điển hình của các địa phương, đơn vị trong triển khai thực hiện kế hoạch; đồng thời nêu các tồn tại, hạn chế để có sự chỉ đạo kịp thời.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, các tổ chức đoàn thể: Hội Phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên,... tích cực phối hợp với các địa phương để tổ chức tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện; xây dựng kế hoạch để giúp đỡ các địa phương triển khai thực hiện (như: Phát động phong trào ngày thứ 7, chủ nhật giúp dân làm đường GTNT,...).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN 

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH




Lê Đình Sơn

PHỤ LỤC: KHỐI LƯỢNG ĐĂNG KÝ VÀ KHỐI LƯỢNG XI MĂNG HỖ TRỢ LÀM ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN NĂM 2013

TT	Huyện	Chiều dài đăng ký (km)							Khối lượng xi măng tinh hồ trợ (tấn)				Tổng kinh phí tính hồ trợ (tỷ đồng)
		Tổng số	Đường trực thôn xóm	Đường ngõ xóm	Đường nội đồng	Tổng khối lượng xi măng cần (tấn)	Kinh phí xi măng cần (tỷ đồng)	Tổng số (tấn)	Đường trực thôn xóm (tấn)	Đường ngõ xóm (tấn)	Đường nội đồng (tấn)		
1	Kỳ Anh	101,4	56,2	37,3	8,0	15.615	18,1	5.993	4.110	1.320	563	7,0	
2	Cẩm Xuyên	180,6	55,4	60,6	64,6	24.915	28,9	10.776	4.059	2.144	4.574	12,5	
3	TP Hà Tĩnh	18,0	4,0	4,4	9,6	2.384	2,8	1.128	293	156	680	1,3	
4	Hương Khê	83,4	28,9	45,8	8,7	11.715	13,6	6.482	3.059	2.702	721	7,5	
5	Thạch Hà	134,8	50,8	57,8	26,2	19.207	22,3	7.620	3.719	2.045	1.856	8,8	
6	Lộc Hà	62,7	22,8	14,0	25,9	8.881	10,3	3.998	1.669	496	1.834	4,6	
7	Cán Lộc	110,5	52,1	26,1	32,3	16.428	19,1	7.027	3.815	922	2.290	8,2	
8	TX H.Lĩnh	5,0	1,0	1,0	3,0	655	0,8	321	73	35	212	0,4	
9	Nghi Xuân	63,7	35,5	8,0	20,2	9.828	11,4	4.315	2.599	283	1.433	5,0	
10	Vũ Quang	45,0	14,5	19,4	11,1	6.253	7,3	3.583	1.526	1.140	917	4,2	
11	Hương Sơn	111,7	31,7	66,3	13,6	15.238	17,7	5.634	2.322	2.348	964	6,5	
12	Đức Thọ	60,0	17,0	18,0	25,0	8.185	9,5	3.652	1.244	637	1.770	4,2	
	Cộng	977	370	359	248	139.304	161,59	60.529	28.489	14.228	17.813	70	

KẾ HOẠCH

Kiên cố hóa kênh mương nội đồng do cấp xã quản lý năm 2013

(Kèm theo Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 04/4/2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Thực hiện Nghị Quyết số 45/2012/NQ-HĐND ngày 20/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013 - 2015 trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 22/02/2013; Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 15/01/2013 và Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 03/4/2013 của UBND tỉnh ban hành quy định cơ chế hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn và kênh mương nội đồng năm 2013 trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở khối lượng đăng ký kiên cố hóa kênh mương nội đồng do xã quản lý của các huyện, thành phố, thị xã năm 2013; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch kiên cố hóa kênh mương nội đồng do xã quản lý năm 2013, với những nội dung sau:

I. Mục tiêu, phạm vi kế hoạch:

1. Mục tiêu

1.1 Mục tiêu chung:

- Từng bước xây dựng, phát triển kiên cố hoá hệ thống kênh mương thủy lợi nội đồng trong quy hoạch xây dựng nông thôn mới, đảm bảo kết nối tốt với hệ thống kênh mương cấp một, cấp hai và hệ thống kênh nhánh để phát huy hiệu quả tưới, góp phần hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, hoàn thành tiêu chí xây dựng nông thôn mới;

- Nâng diện tích tưới chủ động, góp phần tăng năng suất cây trồng, giảm thời gian tưới; tiết kiệm nước, điện, tăng diện tích đất canh tác, giảm ngày công nạo vét, tu sửa và tạo cảnh quan môi trường sạch đẹp.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Năm 2013, tổng chiều dài kênh kiên cố 303 km, trong đó:

- Kênh bê tông 196,6 km;
- Kênh bằng gạch xây 106,4km.

(Có phụ lục chi tiết các huyện, thành phố, thị xã kèm theo)

2. Phạm vi áp dụng:

- Thực hiện đối với các xã xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.
- Hệ thống kênh mương nội đồng do xã quản lý chưa được kiên cố hoặc đã kiên cố nhưng bị hư hỏng cần nâng cấp, sửa chữa, nằm trong quy hoạch xây

dựng nông thôn mới của xã đã được phê duyệt và nằm ngoài các dự án đầu tư xây dựng cơ bản đang được triển khai trên địa bàn (dự án đang chuẩn bị đầu tư, đang thi công).

II. Giải pháp:

1. Giải pháp kỹ thuật:

- Trên cơ sở hồ sơ mẫu “thiết kế định hình”, căn cứ thực tế địa hình và yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể của tuyến kênh, UBND cấp huyện hướng dẫn UBND xã lựa chọn quy mô, kết cấu và độ dốc thủy lực tuyến kênh phù hợp, không lãng phí. Ưu tiên tập trung đầu tư các tuyến kênh tưới cho lúa, màu, cấp nước cho các khu sản xuất tập trung chuyên canh cao, vùng đã thực hiện xong chuyển đổi ruộng đất, vùng đã quy hoạch cánh đồng mẫu lớn, các tuyến kênh có địa chất yếu, thấm nước lớn; tuyến kênh đi qua khu dân cư, kênh có bờ kết hợp giao thông nội đồng, kênh cắt qua công trình hạ tầng khác, kênh tưới có kết hợp cung cấp nước sinh hoạt, nuôi trồng thủy sản.

- Tùy theo quy mô mặt cắt kênh đã chọn để lựa chọn kết cấu kênh phù hợp nhằm đảm bảo an toàn, bền vững công trình và tận dụng được tối đa vật liệu địa phương. Việc lựa chọn kết cấu kênh cần lưu ý:

+ Đối với những tuyến kênh nội đồng có kích thước nhỏ từ (30x30)cm đến (50x60)cm trên nền địa chất tốt, địa hình không quá dốc có thể lựa chọn kết cấu bằng gạch xây, gạch phải đảm bảo chất lượng theo quy định, hướng dẫn của Sở Xây dựng;

+ Đối với những tuyến kênh đi qua nền địa chất xấu, độ dốc kênh lớn, tuyến kênh có mặt cắt ngang (bxh) từ (70x80)cm trở lên, hoặc những tuyến kênh chạy sát với đường giao thông cơ giới nên lựa chọn hình thức kênh bê tông cốt thép, có bố trí giằng ngang nhằm đảm bảo ổn định lâu dài;

+ Đối với những tuyến kênh có nền địa chất tốt, bờ kênh ổn định, xa khu dân cư có thể lựa chọn phương án lát bảo vệ mái kênh bằng đá hoặc bằng tấm bê tông đúc sẵn để giảm giá thành xây dựng công trình;

- Trong quá trình thực hiện các địa phương sử dụng hồ sơ mẫu “Thiết kế định hình” để áp dụng với loại kích thước và kết cấu khác, các địa phương cần tính toán chi phí cụ thể cho từng tuyến kênh trước khi tổ chức thực hiện.

- Đảm bảo nâng diện tích tưới chủ động, góp phần tăng năng suất cây trồng, giảm thời gian tưới; tiết kiệm nước, điện, tăng diện tích đất canh tác, giảm ngày công nạo vét, tu sửa và tạo cảnh quan môi trường sạch đẹp.

2. Cơ chế chính sách:

2.1. Về nguồn vốn và mức hỗ trợ:

a. Ngân sách hỗ trợ xi măng cho kiên cố hóa kênh mương như sau: Nguồn ngân sách các cấp hỗ trợ thực hiện theo Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 03/4/2013 của UBND tỉnh.

b. Ngân sách huyện, xã hỗ trợ để mua phân xi măng còn thiếu, các loại vật liệu chủ yếu khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08/6/2012 từ chương trình NTM được UBND tỉnh phân bổ

tại Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 15/01/2013 đảm bảo theo đúng Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 22/02/2013 của UBND tỉnh.

c. Phần kinh phí còn lại huy động từ nguồn đóng góp của nhân dân, ngày công lao động, hiến đất, tài sản trên đất, thiết bị máy móc thi công, vật liệu và các nguồn hợp pháp khác.

2.2. Điều kiện được hỗ trợ ngân sách các cấp phải đảm bảo.

- UBND huyện, thành phố, thị xã phải có cam kết bố trí đủ phân hỗ trợ từ ngân sách huyện, ngân sách xã và huy động các nguồn lực hợp pháp khác (bằng tiền, vật tư, vật liệu, ngày công lao động ...) để thực hiện, đảm bảo phù hợp với số lượng địa phương đăng ký tương ứng mà ngân sách tỉnh hỗ trợ, đúng quy định.

- Xi măng tỉnh hỗ trợ chỉ thực hiện khi ngân sách huyện, xã đảm bảo và xã tổ chức các điều kiện (vật tư cát, đá... nhân lực để tổ chức thi công); tuyệt đối không được cung ứng xi măng xuống xã khi chưa đủ điều kiện thi công để xi măng tồn dư, hư hỏng.

- Lập hồ sơ, xây dựng công trình đảm bảo quy mô và giải pháp kỹ thuật quy định, nhưng phải nằm trong quy hoạch nông thôn mới đã được phê duyệt.

- Phải có tổ chức giám sát cộng đồng.

2.3. Kinh phí hỗ trợ bằng xi măng của các cấp năm 2013:

Khối lượng xi măng cần thiết để xây dựng là 25.055 tấn, kinh phí xi măng ước tính 28.363 triệu đồng. Trong đó tỉnh hỗ trợ 15.287 tấn (17,3 tỷ đồng), huyện hỗ trợ 7.389 tấn (8,4 tỷ đồng), xã hỗ trợ 2.378 tấn (2,68 tỷ đồng). Tổng giá trị xây lắp trực tiếp trên 223 tỷ đồng (có phụ lục chi tiết kèm theo).

3. Giải pháp huy động vốn:

3.1. Nguồn hỗ trợ của các cấp:

- Ngân sách tỉnh: Được trích từ nguồn vốn vay của Chính phủ năm 2013 cho chương trình đầu tư để hỗ trợ cho năm 2013;

- Nguồn ngân sách huyện, xã: Các cấp căn cứ vào nguồn lực hỗ trợ của địa phương và khả năng đóng góp của nhân dân để cân đối kế hoạch xây dựng đã đăng ký.

3.2. Nguồn vốn đóng góp của nhân dân:

Tùy theo điều kiện cụ thể của từng địa phương, có các hình thức huy động phù hợp như: Đóng góp bằng ngày công lao động; đóng góp bằng tiền, vật tư; vận động nhân dân hiến đất và không bồi thường về cây cối, hoa màu. Việc đóng góp phải đảm bảo nguyên tắc công bằng, công khai, có miễn giảm cho các hộ nghèo, hộ gia đình chính sách khó khăn.

3.3. Huy động từ cộng đồng, đóng góp tự nguyện và tài trợ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cũng như các nguồn tài chính hợp pháp khác.

3.4. Khi cấp huyện, xã đã huy động đủ nguồn lực (bao gồm cả phần đóng góp của người dân) để thực hiện khi đó UBND tỉnh mới cấp hỗ trợ xi măng.

4. Quy trình thực hiện đầu tư:

4.1. Cấp quyết định đầu tư: UBND xã là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt Báo cáo kỹ thuật - dự toán công trình. Báo cáo kỹ thuật - dự toán được lập theo hướng đơn giản hoá, theo mẫu thống nhất do Sở Xây dựng hướng dẫn.

4.2. Chủ đầu tư và Ban QLDA:

- Chủ đầu tư là UBND xã.

- Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới hoặc Ban Quản lý công trình (sau đây gọi tắt là Ban Quản lý xã) do UBND xã quyết định thành lập. Ban quản lý phải có sự tham gia của đại diện một số ban, ngành, đoàn thể cấp xã; trưởng thôn, xóm, đại diện tiêu biểu của nhân dân trong thôn, xóm; Phó Chủ tịch UBND cấp xã làm Trưởng Ban.

- Nơi nào cộng đồng dân cư có đủ năng lực và điều kiện thì UBND xã thành lập Ban phát triển thôn, xóm (sau đây gọi tắt là Ban phát triển thôn) để làm Ban QLDA. Ban phát triển thôn có sự tham gia của đại diện đoàn thể chính trị ở thôn; trưởng thôn và đại diện tiêu biểu của nhân dân trong thôn, xóm, Trưởng Ban là người có uy tín, trách nhiệm và năng lực tổ chức triển khai do cộng đồng thôn, xóm trực tiếp bầu và Chủ tịch UBND xã quyết định công nhận.

4.3. Chuẩn bị đầu tư:

- UBND xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách đầu tư của tỉnh, tổ chức họp dân; công bố mức hỗ trợ của Nhà nước và mức đóng góp của nhân dân trong khu vực. Nếu đạt được thoả thuận (có biên bản cam kết), UBND xã tổng hợp, lập kế hoạch trình UBND cấp huyện để được xem xét, cân đối, bố trí vốn kế hoạch theo thứ tự ưu tiên.

- Căn cứ kế hoạch vốn được giao, UBND xã tổ chức lập Báo cáo kỹ thuật - dự toán trên cơ sở thiết kế mẫu, trình phòng chuyên môn của UBND cấp huyện thẩm định, UBND xã phê duyệt Báo cáo kỹ thuật - dự toán.

4.4. Thực hiện đầu tư xây dựng:

- Thi công công trình: Giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp từ công trình tự tổ chức thực hiện. Trường hợp cộng đồng dân cư không có khả năng hoặc điều kiện thực hiện thì xem xét lựa chọn nhóm thợ hoặc cá nhân trong xã, thôn, xóm có đủ năng lực để thực hiện nhưng phải được sự thống nhất của cộng đồng dân cư.

- Thực hiện giám sát cộng đồng trong quá trình đầu tư xây dựng: UBND xã thành lập Ban Giám sát cộng đồng do Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban, có sự tham gia của đại diện HĐND, các tổ chức đoàn thể, đại diện cộng đồng dân cư hưởng lợi. Ban giám sát cộng đồng thực hiện công việc theo quy định tại Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng và Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTUMTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và Uỷ ban Trung ương MTTQ Việt Nam hướng dẫn thực hiện Quyết định này. Trường hợp Ban Phát triển thôn làm chủ

đầu tư, Ban giám sát cộng đồng gồm: Trưởng thôn, xóm, đại diện mặt trận, các đoàn thể, đại diện cộng đồng dân cư.

- Nghiệm thu, bàn giao công trình: Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình hoàn thành, thành phần nghiệm thu gồm: Ban Quản lý xã (hoặc Ban Phát triển thôn) và Ban Giám sát cộng đồng.

- Thanh toán, quyết toán công trình hoàn thành: Chủ đầu tư lập hồ sơ thanh toán, quyết toán căn cứ vào Báo cáo kỹ thuật - dự toán được duyệt, biên bản nghiệm thu theo mẫu hướng dẫn, hoá đơn mua vật liệu, hợp đồng xây dựng (đối với trường hợp thuê các nhóm thợ, cá nhân, thuê máy móc thiết bị). Để đảm bảo tính minh bạch và dân chủ khi quyết toán cần phải có biên bản họp báo cáo công khai kinh phí thực hiện công trình cho nhân dân nghe và xác nhận.

4.5. Thanh toán:

- UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Tài chính ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung ứng xi măng;

- UBND các huyện, thành phố, thị xã liên hệ với nhà cung ứng để cung cấp xi măng cho các xã theo kế hoạch xây dựng (để thuận tiện cần đề nghị cung cấp qua đại lý hoặc có đại diện của nhà cung ứng xi măng trên địa bàn tỉnh);

- UBND xã (Chủ đầu tư) là đơn vị chịu trách nhiệm quyết toán công trình.

III. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Là cơ quan Thường trực và điều phối thực hiện kế hoạch, có trách nhiệm chủ động phối hợp với UBND cấp huyện và các ngành liên quan chỉ đạo thực hiện kịp thời, hiệu quả;

- Thành lập Ban Chỉ đạo (Tổ công tác) phối hợp với UBND các huyện, thành phố, thị xã để chỉ đạo tổ chức thực hiện; hướng dẫn địa phương trong việc sử dụng hồ sơ mẫu thiết kế định hình đã được ban hành; hướng dẫn các địa phương công tác quản lý chất lượng, bảo trì công trình. Kiểm tra, đôn đốc và tổng hợp kết quả thực hiện theo định kỳ và cuối năm báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính:

- Ký hợp đồng nguyên tắc với các đơn vị cung ứng xi măng (theo Quyết định của UBND tỉnh) với các nội dung: Giá cả, phương thức thanh toán, cách thức giao nhận, kế hoạch cung ứng và các nội dung khác liên quan; trực tiếp thanh toán, quyết toán với nhà cung ứng; ban hành mẫu hợp đồng thống nhất giúp cơ sở trong việc ký kết hợp đồng mua xi măng với đơn vị cung ứng;

- Chủ trì phối hợp với Kho bạc Nhà nước hướng dẫn địa phương (các đơn vị sử dụng xi măng) về phương thức và thủ tục thanh toán theo hướng cung cấp có kiểm soát khối lượng xi măng đảm bảo thuận tiện, kịp thời và đầy đủ;

- Hướng dẫn thủ tục thanh toán, quyết toán đối với công trình thực hiện theo phương thức “Nhân dân làm công trình - Nhà nước hỗ trợ”.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan **tham** mưu UBND tỉnh bố trí kế hoạch vốn bảo đảm hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra.

4. Sở Xây dựng:

Hướng dẫn các địa phương về sử dụng vật liệu đưa vào xây dựng (kể cả vật liệu địa phương: cát, đá, sỏi, gạch...) để giảm kinh phí đầu tư **nhưng** vẫn đảm bảo chất lượng công trình, công tác nghiệm thu chất lượng vật liệu xây dựng; mẫu hợp đồng trong hoạt động xây dựng với phương thức “Nhân dân làm công trình - Nhà nước hỗ trợ” (kể cả mẫu hợp đồng thuê các nhóm thợ, cá nhân, thuê máy móc, thiết bị); chủ trì phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát **triển** nông thôn ban hành các mẫu về lập Báo cáo kỹ thuật - dự toán, tờ trình **thẩm** định, kết quả **thẩm** định, quyết định phê duyệt, hồ sơ nghiệm thu đối với công **trình** theo hướng đơn giản hoá.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Thành lập Ban Chỉ đạo do Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban, là đầu mối lập kế hoạch về nhu cầu, số lượng, thời gian cung ứng xi măng cho các xã theo kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt; chủ động bố trí đủ **nguồn** vốn hỗ trợ các địa phương. Thành lập Tổ công tác, phân công cán bộ phụ trách theo dõi từng xã để nắm bắt thông tin, chỉ đạo kịp thời, đặc biệt là công tác **chất** lượng và sự minh bạch, dân chủ trong việc đóng góp của nhân dân; giúp UBND xã **khâu** nối, điều phối đưa xi măng về cơ sở theo yêu cầu, kịp tiến độ xây **dựng**, giảm thiểu kinh phí giao dịch của cơ sở;

- Huy động, thu hút, kêu gọi đầu tư xây dựng công trình trên **địa** bàn theo đúng quy hoạch nông thôn mới;

- Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn hướng dẫn các xã lập **hồ** sơ Báo cáo kỹ thuật - dự toán trên cơ sở hồ sơ “Thiết kế mẫu định hình” đã **được** ban hành; kiểm tra, **thẩm** định hồ sơ Báo cáo kỹ thuật - dự toán, hướng dẫn tổ chức thực hiện và giám sát **chất** lượng cũng như tham mưu về việc sử dụng vật liệu địa phương phù hợp;

- Cân đối nguồn vốn hỗ trợ của cấp huyện, xã và nguồn huy **động** đóng góp thực hiện đúng, đủ kế hoạch đã đăng ký với UBND tỉnh;

- Kiểm tra, đôn đốc các xã tổ chức triển khai thực hiện **đảm** bảo chất lượng công trình; định kỳ, đột xuất tổng hợp báo cáo theo yêu cầu của **sở** chuyên ngành, tổ chức sơ kết, tổng kết để rút kinh nghiệm.

6. Ủy ban nhân dân xã:

- Thành lập Ban Chỉ đạo xã để tổ chức thực hiện; trực tiếp ký **hợp** đồng cung ứng xi măng cho dân theo quyết định của UBND tỉnh, hướng **dẫn** của Sở Tài chính và trực tiếp nhận xi măng bảo đảm chất lượng và thời gian quy định; phân phối xi măng cho các xóm để thực hiện kế hoạch kiên cố hóa **kênh** mương do xã quản lý đã được UBND tỉnh phê duyệt;

- Chỉ đạo Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới tổ chức họp dân thông báo kế hoạch kiên cố hóa kênh mương đã được UBND tỉnh phê duyệt, công bố mức hỗ trợ của nhà nước, mức đóng góp của nhân dân để nhân dân biết, bàn bạc thống nhất tổ chức thực hiện một cách dân chủ; đồng thời chịu trách nhiệm giải phóng mặt bằng sạch (không bồi thường, hỗ trợ), tạo thuận lợi cho việc triển khai thực hiện một cách tốt nhất;

- Lập, phê duyệt hồ sơ thiết kế - dự toán kinh phí các công trình lựa chọn trên cơ sở hồ sơ "Thiết kế định hình" đã được ban hành, phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới được duyệt;

- Thành lập Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cấp xã theo quy định tại Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KHĐT-UBMTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của liên bộ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng theo Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

- Sử dụng nguồn vốn, vật tư được hỗ trợ; nguồn vốn, vật tư huy động của dân và các nguồn vốn hợp pháp khác đảm bảo hiệu quả, đúng mục đích; công khai kế hoạch, dự toán kinh phí, vật tư được hỗ trợ để nhân dân và Ban giám sát đầu tư của cộng đồng biết thực hiện và giám sát.

7. Các Công ty TNHH một thành viên thủy lợi:

Phối hợp với các địa phương điều tiết nước hợp lý để vừa đảm bảo thi công công trình nhưng không ảnh hưởng đến thời vụ sản xuất; hướng dẫn, giúp đỡ các địa phương công tác kỹ thuật kiên cố hóa kênh trong hệ thống thủy lợi do Công ty quản lý để phát huy hiệu quả công trình.

8. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Hà Tĩnh:

Tổ chức tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về kế hoạch này, phản ánh kịp thời kết quả thực hiện của các địa phương, kịp thời nêu gương các điển hình của các địa phương, đơn vị trong triển khai thực hiện kế hoạch; đồng thời nêu các tồn tại, hạn chế để có sự chỉ đạo kịp thời.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, các tổ chức đoàn thể: Hội Phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên,... tích cực chủ động phối hợp với các địa phương để tổ chức tuyên truyền vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân thực hiện kế hoạch này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn

Phụ lục 1: Kế hoạch kiên cố hóa kênh mương do xã quản lý năm 2013

TT	Đơn vị	Chiều dài (km)	Tổng kinh phí XD (triệu đồng)	Xi măng	
				Khối lượng (tấn)	Thành tiền (triệu đồng)
	TỔNG	303	223.746	25.055	28.363
1	Kỳ Anh	29,30	21.501	2.382	2.859
2	Cẩm Xuyên	48,07	32.526	3.573	3.931
3	TP Hà Tĩnh	6,00	4.560	505	555
4	Thạch Hà	19,40	13.370	1.430	1.573
5	Lộc Hà	22,90	24.402	2.861	3.147
6	Hương Khê	23,03	12.642	1.381	1.657
7	Hương Sơn	30,40	26.835	3.104	3.725
8	Can Lộc	42,00	32.712	3.507	3.858
9	TX Hồng Lĩnh	13,40	15.102	1.780	1.958
10	Nghi Xuân	14,40	10.994	1.251	1.376
11	Vũ Quang	15,70	9.919	1.161	1.394
12	Đức Thọ	38,50	19.182	2.119	2.331

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH 

PHỤ LỤC 2: CƠ CẤU PHÂN BỐ VỐN HỖ TRỢ XI MĂNG KIẾN CỐ HÓA KÊNH MƯƠNG DO XÃ QUẢN LÝ NĂM 2013

TT	Địa phương	Chiều dài kênh (km)		Khối lượng xi măng (tấn)			Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)		
		Tổng	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	Tổng	NS tỉnh	NS huyện	NS xã
	Tổng	303	15.287	7.389	2.378	28.363	17.323	8.356	2.684
I	Các địa phương thuộc CT 30b	38,7	1.780	636	127	3.051	2.136	763	153
1	Hương Khê	23,0	967	345	69	1.657	1.160	414	83
2	Vũ Quang	15,7	813	290	58	1.394	976	348	70
II	Địa phương khác	264,4	13.507	6.754	2.251	25.312	15.187	7.594	2.531
3	Kỳ Anh	29,3	1.429	715	238	2.859	1.715	858	286
4	Cẩm Xuyên	48,1	2.144	1.072	357	3.931	2.358	1.179	393
5	TP Hà Tĩnh	6,0	303	151	50	555	333	167	56
6	Thạch Hà	19,4	858	429	143	1.573	944	472	157
7	Lộc Hà	22,9	1.717	858	286	3.147	1.888	944	315
8	Hương Sơn	30,4	1.862	931	310	3.725	2.235	1.117	372
9	Cán Lộc	42,0	2.104	1.052	351	3.858	2.315	1.157	386
10	TX Hồng Lĩnh	13,4	1.068	534	178	1.958	1.175	587	196
11	Nghi Xuân	14,4	750	375	125	1.376	825	413	138
12	Đức Thọ	38,5	1.272	636	212	2.331	1.399	699	233

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH